

BÁO CÁO HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG NĂM 2024

I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của trường Cao đẳng Xây dựng và Công nghệ - Xã hội.

1. Hội đồng Trường.
2. Ban Giám hiệu (Hiệu trưởng; Phó Hiệu trưởng)
3. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ:
 - 3.1. Phòng Tổng hợp;
 - 3.2. Phòng Kế hoạch-Đào tạo và Công tác học sinh sinh viên;
 - 3.3. Phòng Tài chính-Kế toán;
 - 3.4. Phòng Đảm bảo chất lượng và Quản lý khoa học.
4. Các Khoa chuyên môn:
 - 4.1. Khoa Xây dựng;
 - 4.2. Khoa Điện - Điện tử;
 - 4.3. Khoa Cơ khí chế tạo động lực;
 - 4.4. Khoa Cơ bản;
 - 4.5. Khoa Công nghệ và xã hội.
5. Trung tâm:

Trung tâm Tư vấn hướng nghiệp và Đào tạo ngôn ngữ - Hợp tác quốc tế.
6. Các hội đồng tư vấn

1.2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường Cao đẳng Xây dựng và Công nghệ - Xã hội.

1.2.1. Danh sách các nghề đào tạo theo từng trình độ.

STT	TÊN NGHỀ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	TUYỂN SINH ĐẾN 2024		
		2021-2022	2022-2023	2023-2024
	CAO ĐẲNG	24	20	24

STT	TÊN NGHỀ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	TUYỂN SINH ĐẾN 2024		
		2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Kỹ thuật xây dựng	6	6	2
2	Trắc địa công trình	2	2	-
3	Điện dân dụng	-	-	-
4	Điện công nghiệp	14	14	21
5	Cấp, thoát nước	2	2	-
6	Hàn	-	-	1
TRUNG CẤP		561	578	516
1	Kỹ thuật xây dựng	123	54	7
2	Trắc địa công trình	99	51	54
3	Điện công nghiệp	192	147	145
4	Điện dân dụng	111	59	48
5	Cấp, thoát nước	96	46	46
6	Cốt thép hàn	51	-	-
7	Nề hoàn thiện	-	-	-
8	Hàn	50	-	6
9	Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm)	209	125	117
10	Kế toán doanh nghiệp	26	9	6
11	Điện – Nước	35	16	23
12	Kỹ thuật chế biến món ăn	72	58	53
13	May thời trang	25	13	11
SƠ CẤP		218	303	303
1	Tin học văn phòng	-	-	-
2	Trắc địa công trình	-	-	-

STT	TÊN NGHỀ VÀ TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO	TUYỂN SINH ĐẾN 2024		
		2021-2022	2022-2023	2023-2024
3	Hàn	65	4	4
4	Điện công nghiệp	35	9	9
5	Điện dân dụng	-	-	-
6	Cơ điện nông thôn	-	-	-
7	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	35	67	67
8	Cấp, thoát nước	-	4	4
9	Kỹ thuật xây dựng	-	20	20
10	Cốt thép - Hàn	-	-	
11	Bê tông	-	-	-
12	Cốp pha – giàn giáo	-	-	-
13	Nề - Hoàn thiện	22	21	21
14	Điện – Nước	1	70	70
15	Sản xuất gốm xây dựng	-	-	-
16	Xếp dỡ cơ giới tổng hợp	30	18	18
17	Kỹ thuật chế biến món ăn		88	88
18	May công nghiệp	35	2	2
TỔNG		946	803	843

1.2.2. Các loại hình đào tạo của nhà trường

- Chính quy: có
- Không chính quy: có (các lớp dạy ngắn hạn, bồi dưỡng chuyên đề)

1.2.3. Tổng số các khoa đào tạo: 05 Khoa + 1 trung tâm

1.2.4. Tổng số chuyên ngành đào tạo: 21

1.3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

1.3.1. Tên đơn vị: Phòng Đảm bảo chất lượng và Quản lý khoa học

1.3.2. Số lượng cán bộ: 04

1.3.3. Nhiệm vụ

a. Công tác đảm bảo chất lượng

- Tổ chức xây dựng và trình Hiệu trưởng ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác khảo thí, hướng dẫn và theo dõi việc thực hiện các văn bản này tại các đơn vị trong Nhà trường;
- Phối hợp với các Khoa, lập kế hoạch và tổ chức triển khai xây dựng, sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, bộ đề thi kết thúc học phần đối với các bậc cao đẳng, trung cấp và hệ sơ cấp nghề, đảm bảo đúng mục tiêu môn học/môđun và chuẩn đầu ra của ngành đào tạo;
- Phối hợp tổ chức coi thi kết thúc môn học/môđun; Tổ chức thi tốt nghiệp và xử lý các khiếu nại, khiếu kiện về thi, kiểm tra; cải tiến phương pháp thi cho phù hợp với yêu cầu của ngành, bậc và trình độ đào tạo nhằm nâng cao hiệu quả đánh giá chất lượng đào tạo; nghiên cứu, ứng dụng phương pháp, công nghệ mới vào công tác soạn thảo đề thi;
- Tổ chức, triển khai xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Lao động Thương binh xã hội ban hành. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Hướng dẫn các Khoa chuyên môn xây dựng, tổ chức thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề trọng điểm;
- Tham mưu cho Hiệu trưởng về chiến lược, các giải pháp nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường bao gồm: phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập, phương pháp quản lý lớp, kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo...;
- Tổ chức, triển khai, khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà giáo, người học, học sinh sau tốt nghiệp về chương trình đào tạo và hoạt động chung của Nhà trường;
- Tiếp nhận, xử lý các loại hồ sơ, công văn liên quan đến công tác đảm bảo chất lượng; quản lý, lưu trữ hồ sơ tự đánh giá;
- Hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo việc thực hiện công tác đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường;

b. Công tác Quản lý khoa học

- Tổ chức thực hiện và quản lý nghiên cứu khoa học và cải tiến kỹ thuật. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học, tư vấn ứng dụng khoa học. Là đầu mối xúc tiến phát triển hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học. Quản lý dự liệu, lưu trữ kết quả nghiên cứu khoa học. Hàng năm xây dựng định mức và xác định thực hiện nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm;
- Xây dựng các kế hoạch nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm cho từng giai đoạn, từng năm và đột xuất căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ của ngành, của trường trong từng giai đoạn và dựa vào tiềm năng đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất của trường;
- Quản lý, chỉ đạo thực hiện và đề nghị điều chỉnh kế hoạch thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm khi cần thiết. Quản lý các đề tài nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm từ khâu tổ chức đăng ký cho đến khâu đánh giá, nghiệm thu tổng kết;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan có kế hoạch giúp đỡ tạo điều kiện cho các đề tài hoàn thành đúng tiến độ. Đồng thời phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí, vật tư, thiết bị của từng đề tài, đảm bảo đúng theo quy định, tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô;
- Chủ trì tổ chức các hội nghị khoa học của trường, lập báo cáo tổng kết công tác nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm hằng năm. Có kế hoạch giúp đỡ các hội nghị khoa học cấp khoa, bộ môn, các cuộc hội thảo theo chuyên đề.
- Tổ chức thông báo, giới thiệu các kết quả nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm qua các hội nghị chuyên đề, hội nghị khoa học.
- Chịu trách nhiệm quản lý kết quả nghiên cứu khoa học và thiết bị tự làm, công bố các công trình nghiên cứu khoa học và tiến bộ Khoa học kỹ thuật của trường trên các tập san, tạp chí, tài liệu chuyên đề ở trong và ngoài nước.
- Đề xuất và tổ chức quản lý việc biên dịch, biên soạn các thông số khoa học nước ngoài phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học.
- Đề xuất những biện pháp thích hợp trong vấn đề hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề.
- Thực hiện chế độ báo cáo thống kê theo yêu cầu; thực hiện nhiệm vụ khác theo chức năng khi được phân công.

1.3.4. Điện thoại: 0978.660.502 – Trưởng phòng.

1.3.5. Địa chỉ email: phongktvdbclcdxd@gmail.com

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

Hệ thống đảm bảo chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp là hệ thống các chính sách, quy trình, công cụ đối với tất cả các lĩnh vực, nội dung quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Hệ thống đảm bảo chất lượng phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và dễ vận hành, liên tục cải tiến, đơn giản hóa các thủ tục đảm bảo chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả.

Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường Cao đẳng Xây dựng và Công nghệ - xã hội tuân thủ các quy định hiện hành, phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Nhà trường.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b1) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Căn cứ Công văn số 453/TCĐN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trường cao đẳng”;

- Căn cứ Công văn số 454/TCĐN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp về việc “Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đối với trường trung cấp, trường cao đẳng”;

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thực hiện quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.

- Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng đảm bảo phù hợp mục tiêu đào tạo, thể hiện tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển của nhà trường.

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Tuân thủ các quy định hiện hành, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đào tạo và thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong từng giai đoạn.

2. Nhấn mạnh vai trò của người quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và lấy người học làm trung tâm.

3. Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên và người học.

4. Tiếp cận theo quá trình, đảm bảo tính hệ thống, gắn kết với tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý.

5. Phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, dễ vận hành; liên tục cải tiến, đơn giản hoá các thủ tục bảo đảm chất lượng và đảm bảo khoa học, hiệu quả, tiết kiệm.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

1. Công tác chuẩn bị.

2. Xây dựng hệ thống tài liệu bảo đảm chất lượng.

3. Thiết lập hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng.

4. Phê duyệt và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng.

5. Đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng.

c) Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Tiếp tục đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện. Tập trung mọi nguồn lực thực hiện mục tiêu xây dựng nhà trường trở thành đơn vị đào tạo nhân lực chất lượng cao của khu vực Đông Bắc.

- Thường xuyên cải tiến chương trình đào tạo, giáo trình. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Ứng dụng công nghệ 4.0 vào quản lý giảng dạy trong nhà trường.
- Không ngừng cải tiến công tác quản lý, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ viên chức.
- Nâng cao năng lực của đội ngũ giảng viên, thực hiện cải tiến phương pháp giảng dạy, đánh giá đúng kỹ năng của học sinh.
- Mở rộng hợp tác trong và ngoài nước trong quá trình đào tạo; mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để tạo điều kiện và cơ hội việc làm cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.
- Tăng cường bổ sung và phát huy hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, huy động các nguồn lực để đầu tư bổ sung trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập đạt chuẩn.
- Xây dựng nhà trường có môi trường xanh, sạch đẹp, trường học thân thiện, tác phong văn minh hiện đại, thể hiện tính chuyên nghiệp thực sự là lựa chọn khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên.
- Cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí.
- Duy trì, cải tiến liên tục hệ thống quản lý chất lượng và đảm bảo tuân thủ theo tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định.

d) Mục tiêu chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt được năm 2023-2024

- Tuyển sinh năm học 2023 - 2024 đạt 901/780 chỉ tiêu. Trong đó: Cao đẳng 24 SV, Trung cấp 516 HS, Sơ cấp 303 HS;
- Số lượng cán bộ, giáo viên công nhân viên được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong năm học 2023-2024 là: Thạc sĩ 01 người, đại học 01 người, cao đẳng 04 người, sơ cấp 04 người, bồi dưỡng khác là 116 lượt người
- Năm 2023 thi Hội giảng giáo viên giỏi cấp Tỉnh đạt 02 giải Nhì, 02 giải Ba, 05 giải khuyến khích.
- Năm 2024 thi Hội giảng Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc đạt 02 giải Nhì và 01 giải Khuyến khích
- Thực hiện 23 đề tài nghiên cứu khoa học và sáng kiến cấp trường; 01 đề tài sự nghiệp kinh tế cấp Bộ;
- Đảm bảo 100% chương trình đào tạo có đủ tài liệu học tập;
- 100% trang thiết bị được bảo trì, bảo dưỡng theo kế hoạch, sẵn sàng các trang thiết bị phục vụ đào tạo đạt 90%;
- Hao hụt học sinh, sinh viên toàn trường trong năm dưới 5%;
- 70% giáo viên được đánh giá từ phía người học, trong đó có ít nhất 98% hài lòng về chất lượng giảng dạy của giáo viên;
- Duy trì và mở rộng mối quan hệ với ít nhất 10 doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh và các tỉnh lân cận. Lấy ý kiến từ 12-14 doanh nghiệp về chất lượng các hoạt động đào tạo của nhà trường;

- Giới thiệu việc làm cho 100% học sinh – sinh viên tốt nghiệp. Đảm bảo có ít nhất 80% học sinh – sinh viên ra trường có việc làm ngay.

d) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

- Đảm bảo chất lượng hoạt động dạy và học
- Đảm bảo chất lượng chương trình, giáo trình đào tạo
- Đảm bảo chất lượng cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động
- Bảo đảm chất lượng cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, thư viện

e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

Hệ thống internet của nhà trường được phủ rộng khắp từ khu điều hành đến các khu thực hành, nhà giảng đường. Do đó, giáo viên và người học có thể tiếp cận thông tin mọi lúc mọi nơi khi cần.

Song hành với nỗ lực tin học hóa của toàn trường, hoạt động đảm bảo chất lượng của trường cũng hướng đến tập trung, chuẩn hóa toàn bộ các dữ liệu về đảm bảo chất lượng của trường, cho phép thông tin được thu thập 1 cách chính xác, khách quan, minh bạch và chia sẻ cho các bên có liên quan. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bao gồm 2 thành phần quan trọng là thông tin khảo sát các bên có liên quan và thông tin về học vụ, giảng viên, sinh viên, cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học, tài chính...

2.2. Đánh giá, cải tiến

a) Đánh giá:

a1) Tổng số đợt đánh giá: 01

a2) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá: 9 đơn vị

b) Cải tiến

b1) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành	4	
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	0	
Số lượng nội dung được bổ sung	0	
Số lượng nội dung loại bỏ	0	

b2) Các quy trình, công cụ bảo đảm chất, lượng được cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành	25	
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	01	
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung	0	
Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ	0	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Ưu điểm:

- Nhà trường đã có bộ phận chuyên trách là phòng Đảm bảo chất lượng và Quản lý khoa học với chức năng thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và quản lý khoa học cho Nhà trường.
- Các đơn vị trong Nhà trường phối hợp triển khai kế hoạch nhanh chóng kịp thời.
- Cử cán bộ chủ chốt tham gia đầy đủ lớp tập huấn Bồi dưỡng đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Tổng cục giáo dục nghề nghiệp tổ chức.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo chi tiết.

3.2. Tồn tại, hạn chế:

- Cán bộ chuyên trách chưa được tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao về đảm bảo chất lượng; Tập huấn về xây dựng quy trình, công cụ đảm bảo chất lượng; Xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng.
- Hạ tầng thông tin máy móc, phần mềm phục vụ việc xây dựng, vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng còn hạn chế.

3.3. Nguyên nhân:

- Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập kinh phí hàng năm thực hiện cho công tác đảm bảo chất lượng còn nhiều hạn chế.

3.4. Đề xuất:

*** Đối với Bộ Lao động – Thương binh và xã hội; Tổng cục giáo dục nghề nghiệp:**

- Mở nhiều lớp, nhiều lượt tập huấn bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên môn đối với các đơn vị phụ trách lĩnh vực đảm bảo chất lượng.
- Cần có yêu cầu cụ thể đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có bộ phận chức năng riêng biệt làm nhiệm vụ về đảm bảo chất lượng để có thể đạt được kế hoạch giai đoạn 2020 - 2025.
- Tạo điều kiện cung cấp kinh phí cho cơ sở GDNN trong công tác đánh giá ngoài cơ sở giáo dục nghề nghiệp và chương trình đào tạo nghề trọng điểm.

Nơi nhận:

- Sở LĐ-TBXH tỉnh Quảng ninh(để b/c);
- Lưu: Trường CĐXDCNXH.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Thị Hoài